

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ- ST
Ngày 06- 11- 2018
V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Đức Hữu
2. Ông Nguyễn Bá Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên- Thư ký của Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân D- sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N- sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

Chỗ ở hiện nay: Khu 3, phường N1, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân D trình bày: Anh và bị đơn là chị Nguyễn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/7/2014 tại UBND phường N1, quận H, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh thuê nhà ở Hải Phòng để làm ăn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng tính cách, mặt khác anh phát hiện chị N có quan hệ ngoại tình. Anh khuyên bảo nhiều lần nhưng chị N không nghe nên hai người ngày nào cũng cãi nhau. Anh chán nản nên thường rệu chè, bỏ bê công việc. Từ tháng 3/2018 anh về nhà bố mẹ đẻ ở xã C, huyện Đ, ly thân với chị N. Nay

anh xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị N được ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị N do Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng lập ngày 19/9/2018 và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt do chị N viết cùng ngày gửi Tòa án nhân dân huyện Đoàn Hùng, chị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân D kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã C, huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ vào năm 2013. Sau khi kết hôn, hai người sinh sống cùng gia đình anh D tại xã C. Vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 do tính cách, quan điểm sống không phù hợp. Khoảng cuối năm 2014 sau khi chị sinh con được mấy tháng thì vợ chồng chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở phường N1, quận H, thành phố Hải Phòng sinh sống. Đến khoảng tháng 5/2018 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh D đã quay về nhà bố mẹ đẻ ở xã C. Từ đó đến nay chị và anh D không quan tâm đến nhau, chỉ thỉnh thoảng anh D chỉ gọi điện để hỏi thăm con. Nay anh D xin ly hôn, chị đồng ý, vì tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Vì điều kiện ở xa, đi lại không thuận tiện, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

- Về con chung: Anh D và chị N xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu A sinh ngày 17/9/2014. Chị N đề nghị được nuôi con sau khi ly hôn, anh D nhất trí. Chị N yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, anh D chỉ nhất trí cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh D và chị N xác nhận không có tài sản chung, cũng không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoàn Hùng phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa ra quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Xử cho anh Nguyễn Xuân D và chị Nguyễn Thị N được ly hôn.
- Về con chung: Chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Diệu A- sinh ngày 17/9/2014. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).
- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, nên không phải giải quyết.
- Về án phí: Anh D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Xuân D cư trú tại xã C, huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ là nguyên đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị N. Tuy hiện nay

chị N đang ở nhà bố mẹ đẻ tại phường N1, quận H, thành phố Hải Phòng, nhưng chị N có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện Đoàn Hùng, nên Tòa án nhân dân huyện Đoàn Hùng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đoàn Hùng giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn do anh Nguyễn Xuân D xuất trình thì anh D và chị N đăng ký kết hôn với nhau ngày 18/7/2014 tại UBND phường N1, quận H, thành phố Hải Phòng. Như vậy, việc chị N trình bày hai người đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã C, huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ là không chính xác.

Hôn nhân giữa chị N và anh D là hợp pháp do hai bên kết hôn tự nguyện, có đăng ký đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh D và chị N đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về tình cảm dẫn đến thường xuyên cãi vã trong khoảng thời gian dài và hiện sống ly thân, không quan tâm tới nhau.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh D xin ly hôn, chị N cũng đồng ý là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung : Anh D và chị N có 01 con chung, hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị N có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; anh D đồng ý. Thỏa thuận này của hai bên là tự nguyện, phù hợp thực tế, không trái quy định của pháp luật, cần công nhận. Tuy nhiên hai bên không thống nhất được về mức cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng anh D là lao động tự do, hiện nay buôn bán lương thực tại nhà cùng bố mẹ, thu nhập của anh D được địa phương xác nhận bình quân khoảng 6.000.000 đồng/ tháng. Với mức thu nhập đó, chị N yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng là cao, cần chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng như anh D đề nghị là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Do hai bên xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí : Anh D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy của pháp luật.

Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm mà đại diện Viện Kiểm sát phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân D và chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung:

- Công nhận sự thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Diệu A- sinh ngày 17/9/2014.

- Xử: Buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Diệu A trưởng thành, lao động tự túc được. Anh D có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, nên không phải giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: AA/2017/0002825, ngày 03/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Anh D còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đoan Hùng;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND phường N1 (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Vũ Thị Minh Hòa

